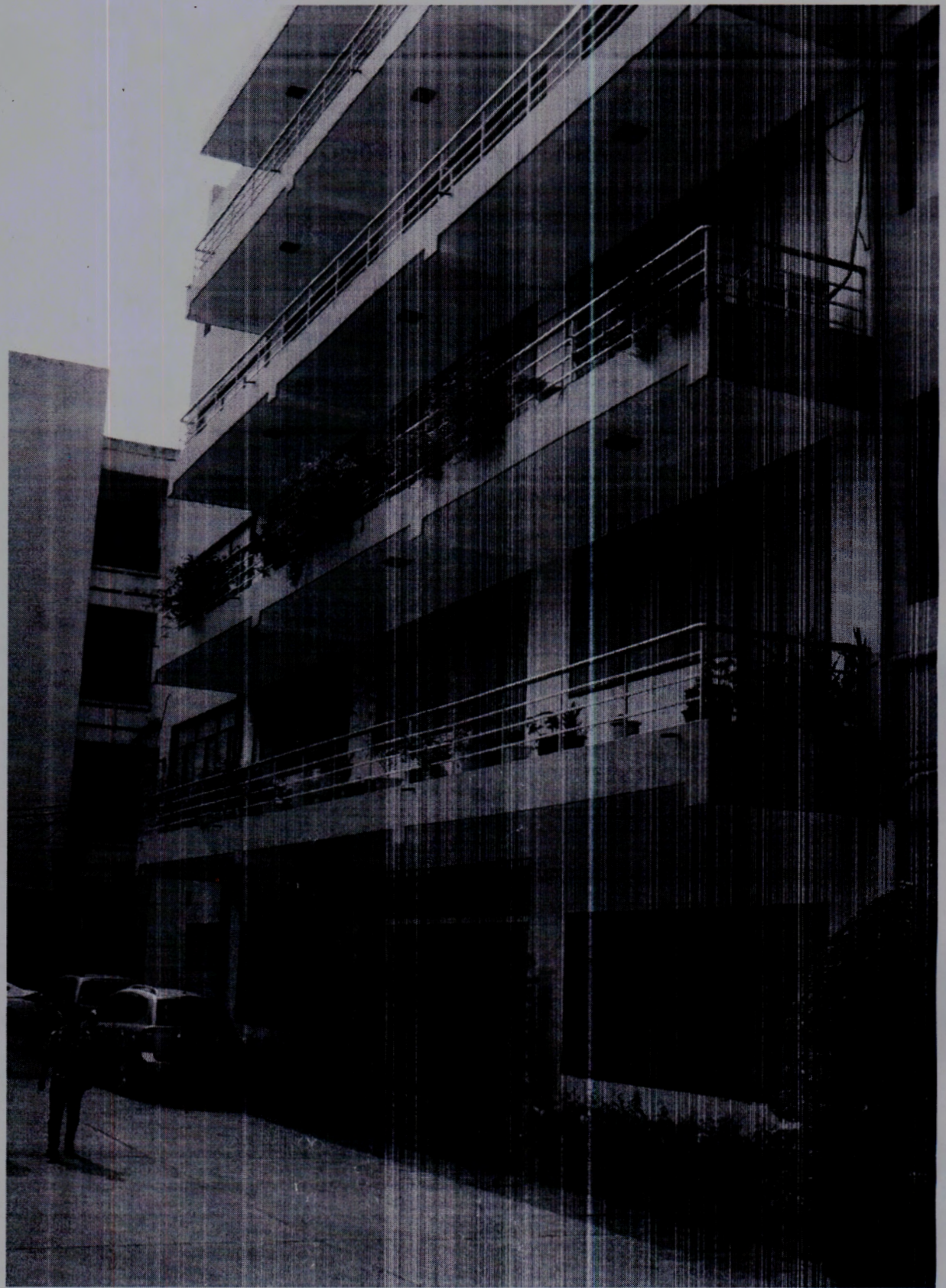


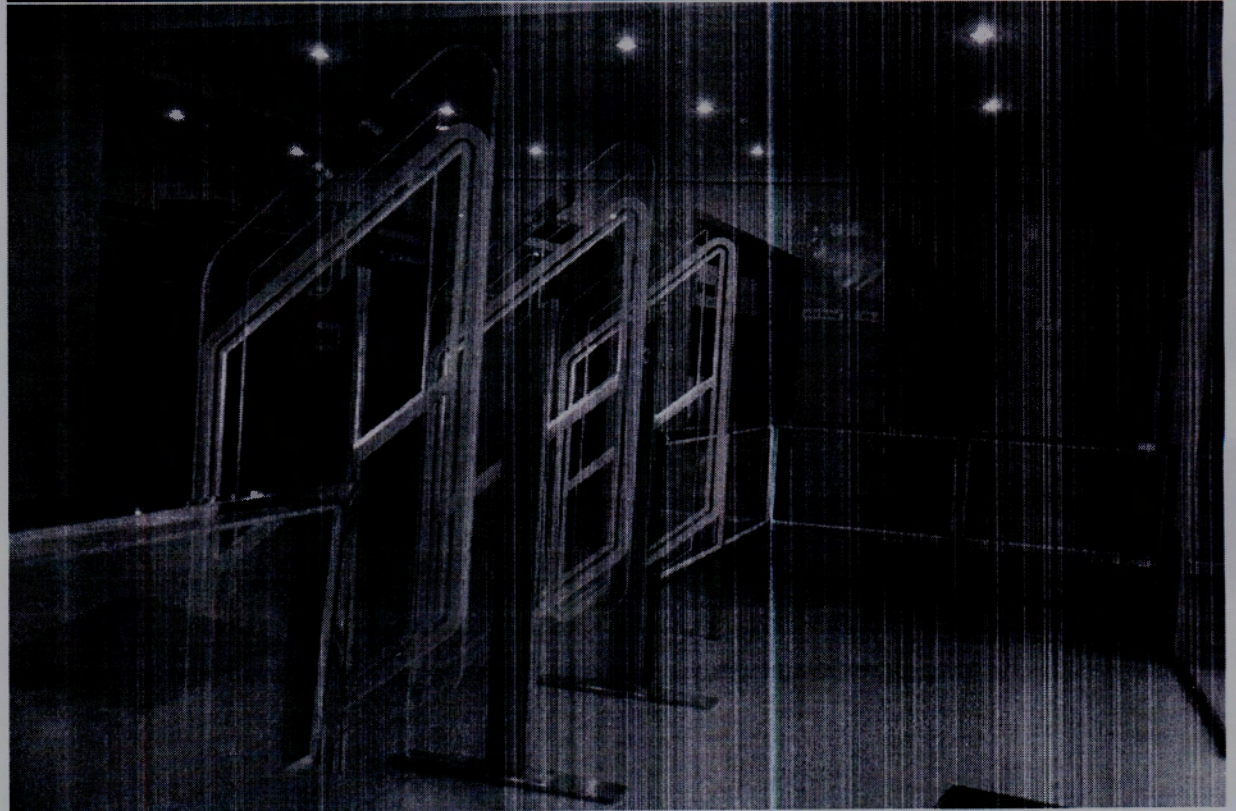
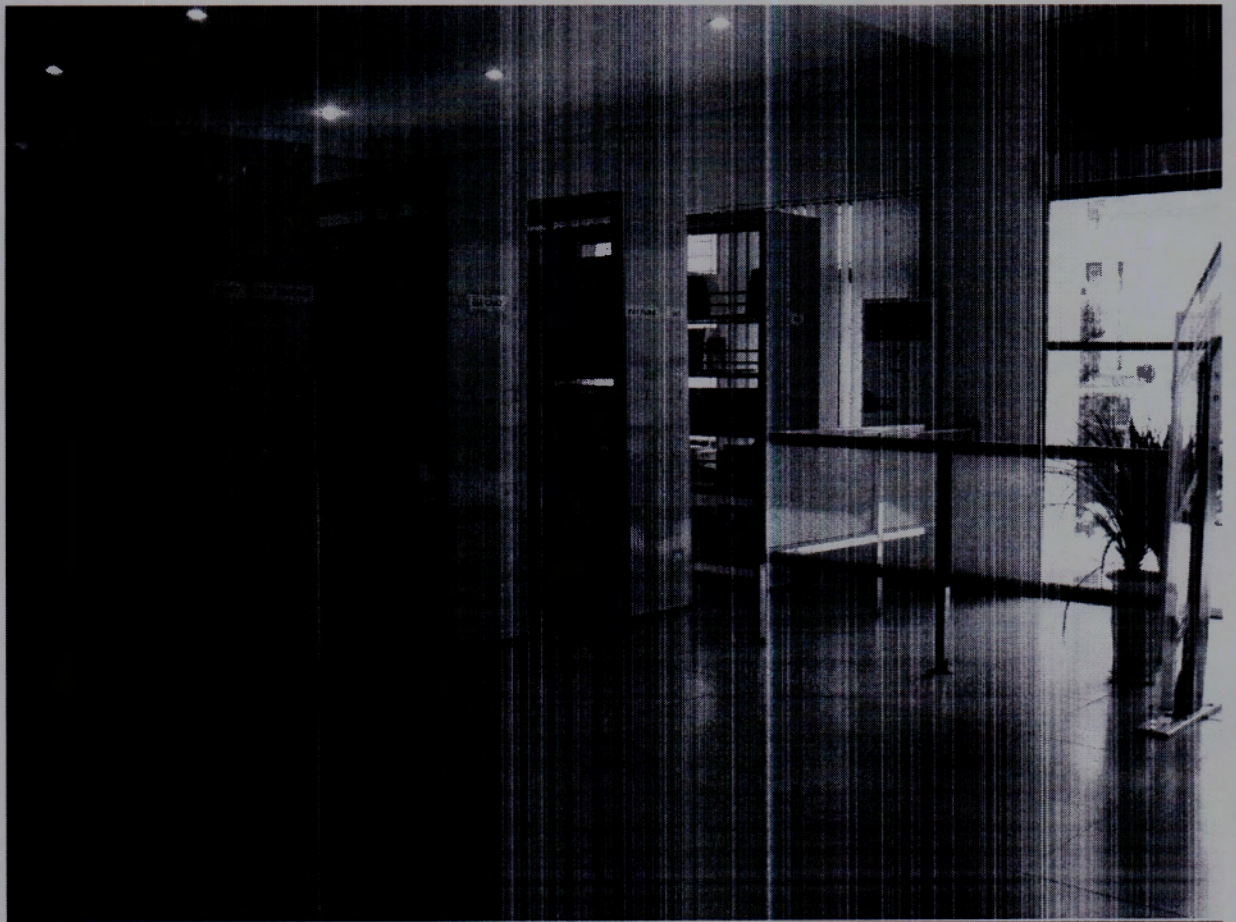
H9.09.02.01

TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN NHÀ C 5 TẦNG



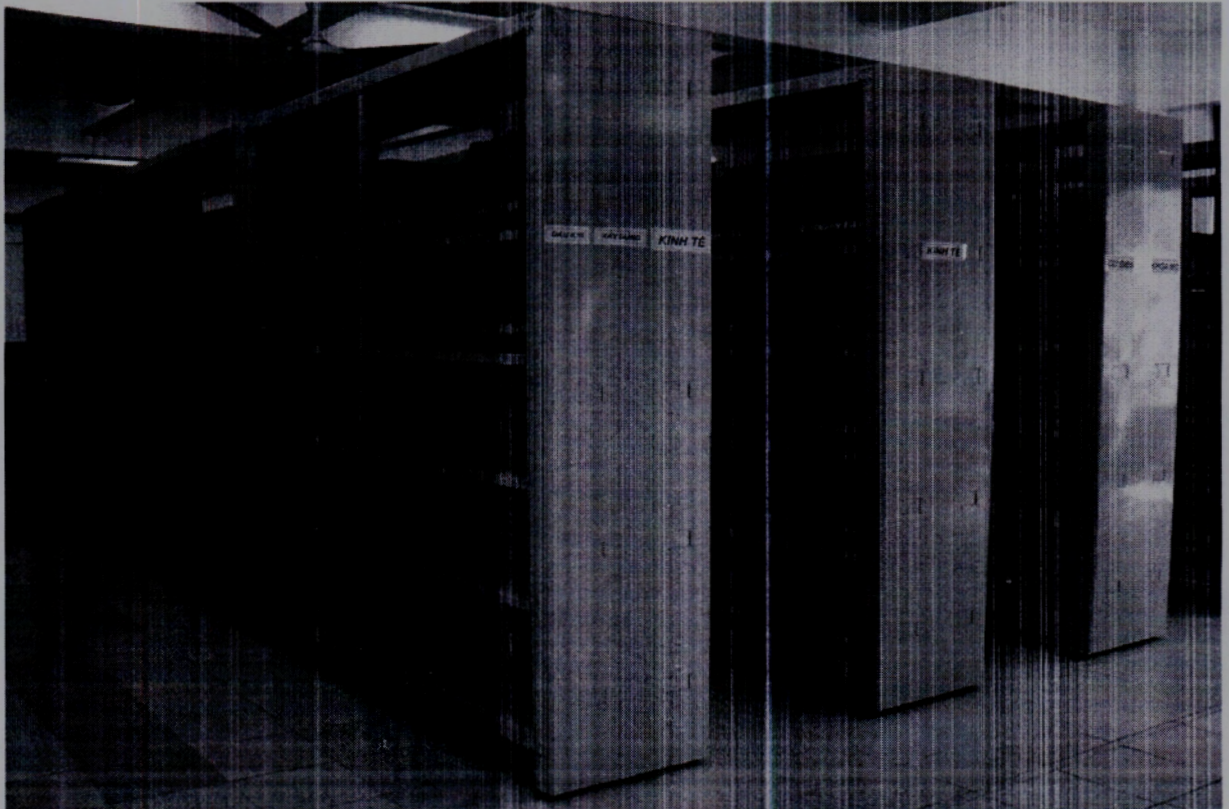
- TẦNG 1. PHÒNG MƯỢN



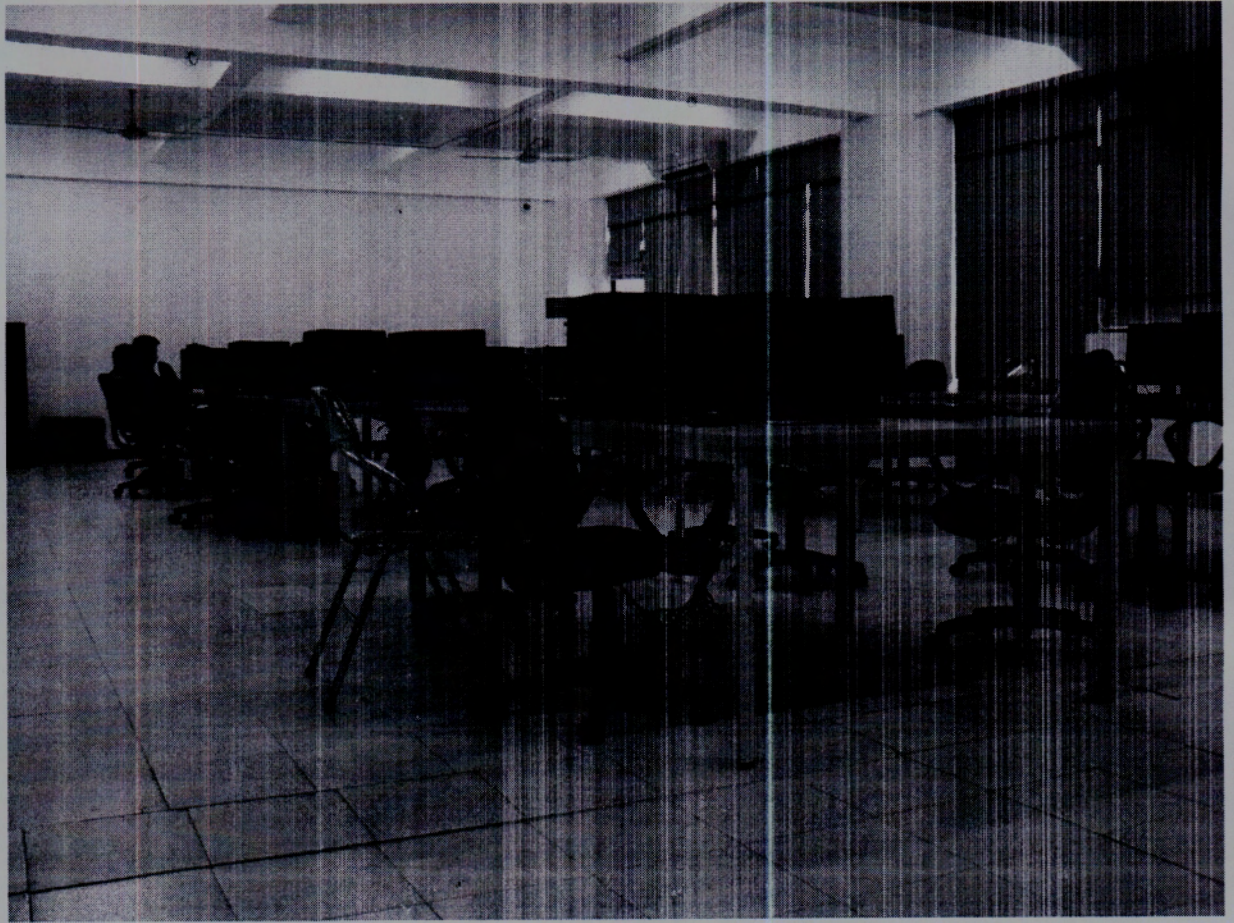


- TẦNG 2

- 2.1 PHÒNG ĐỌC LUẬN ÁN – LUẬN VĂN



- 2.2 PHÒNG TRA CỨU INTERNET



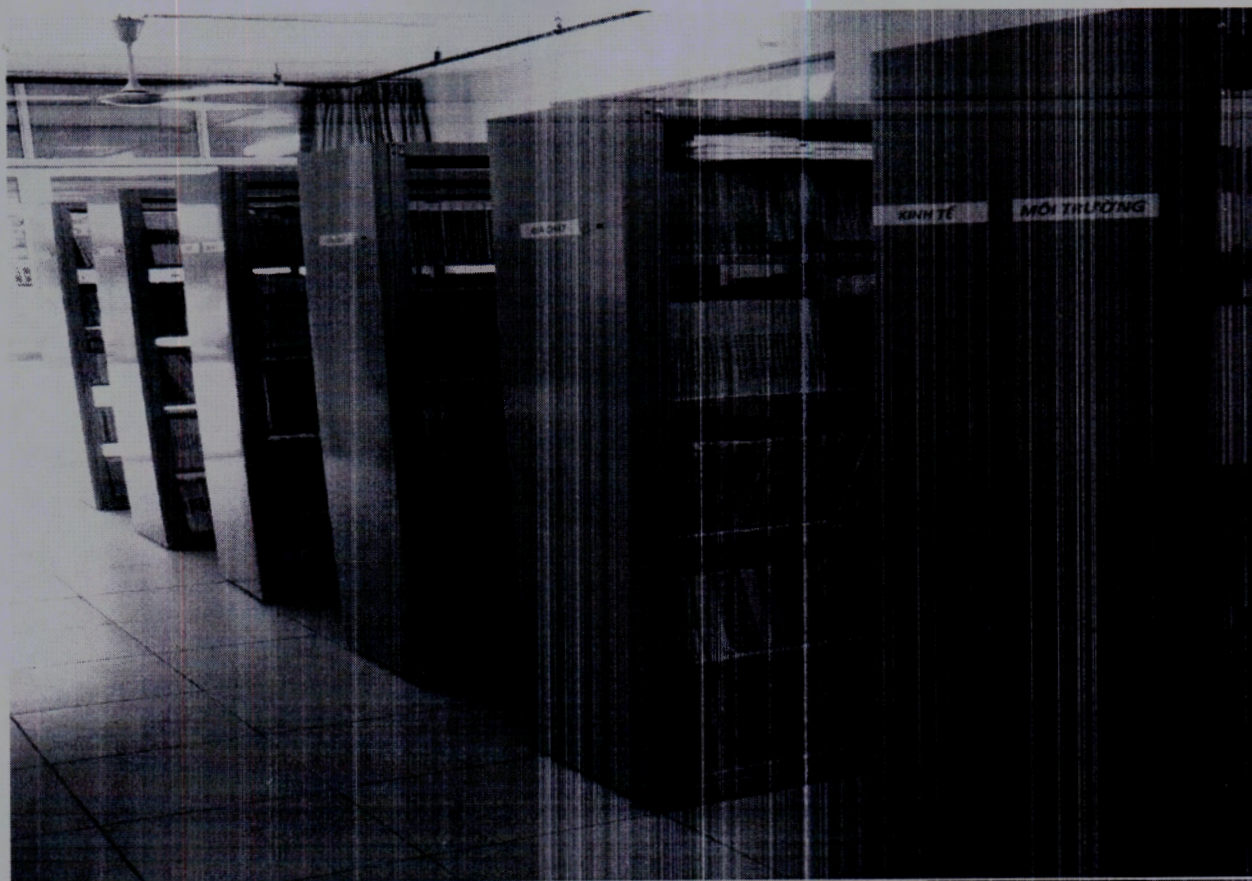
- TẦNG 3

- 3.1 PHÒNG ĐỌC SÁCH – GIÁO TRÌNH





-
-
-
- CƠ SỞ KHU B



- HIỆU SÁCH



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ TẠI THƯ VIỆN

Hôm nay, ngày 29/12/2017 Trung tâm Thông tin - Thư viện tiến hành kiểm kê Tài sản có tại Thư viện.

A. Thời gian, địa điểm và thành phần tham gia kiểm kê:

- Thời gian: 26/12/2017 - 29/12/2017

- Địa điểm: Trung tâm Thông tin – Thư viện Nhà C5 Trường Đại học Mở - Địa chất, số 18, phố Viên, phường Bắc Từ Liêm - Hà Nội.

- Ban kiểm kê gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Hải Yến - PGĐ Trung tâm Thông tin - Thư viện.

2. Bà Trần Thị Hương – Cán bộ phòng Quản trị thiết bị.

- Nội dung: Kiểm kê toàn bộ Tài sản của Thư viện gồm các Tài sản cố định (máy tính, máy in, điều hòa, phần mềm...) và các công cụ lao động nhỏ (bàn, ghế, tủ...).

B. Tiến hành kiểm kê:

- Tổ trưởng chỉ đạo quy trình, cách thức tiến hành và phân công công việc cụ thể cho từng thành viên tham gia kiểm kê.

- Các thành viên trong ban kiểm kê tiến hành kiểm kê.

- Kết quả kiểm kê có danh mục kèm theo.

Biên bản kiểm kê này gồm 02 bản có giá trị ngang nhau, Phòng Quản trị thiết bị giữ 01 bản, Trung tâm Thông tin – Thư viện giữ 01 bản.



DANH MỤC TÀI SẢN
Đơn vị sử dụng: TTTT-TV

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
I. Tài sản cố định							
42	09M057-068	Bộ chuyển mạch LanCiscoCatalyst	Bo	TQ	2009	12	
42	16TT076	Bộ chuyển mạch POE Engenius Poe EGS7228FP	Chiếc	TQ	2016	1	
42	08M103-104	Bo chuyenmachCiscocatalist,Cap	Cai	TQ	2008	2	
42	07M098	Bộ giải mã Sony PCS-G50P	Bo	Nhat	2007	1	
42	10M216	Bo lưu điện	Cai	TQ	2010	1	
42	16TT022	Bộ lưu điện 10KVA Online ZLPOWER-RM10K-C	Bộ	TQ	2016	1	
42	06DA317	Bộ lưu điện UPS satak 3KVA	cai	VN	2006	1	
42	06DA312	Bức tường lửa Firewall pix506E	Bo	TQ	2006	1	
42	07M099-100	Camera Sony EVI D70P	Cai	Nhat	2007	2	
42	16TT002	Cổng an ninh công nghệ Hybrid Dialoc ID Diamond HYBRID Premium, gồm cổng an ninh tích hợp bộ điều khiển cổng an ninh, bộ đếm người ra vào	Bộ	Hà Lan	2016	1	
42	08M002A	Điều hòa 2 cục Mitshubishi	Bo	Thailan	2008	1	
42	13M068-069	Điều hoà Funiki 24000BTU	Bộ	ĐNA	2013	2	
42	16TT006-009	Giá trưng bày báo/ tạp chí	Chiếc	VN	2016	4	
42	09M075	He thong cap mang	HT	TQ	2009	1	
42	16TT064	Hệ thống wifi Engenius EWS 320AP	Hệ thống	TQ	2016	1	
42	09M076	Hthongchuyendoiquangdiennh a12T	HT	TQ	2009	1	
42	08M345	Luu dien UPS online Santak3KVA	Cai	TQ	2008	1	
42	16T071-072	Màn hình quan sát Tivi LG 49" LED HD	Chiếc	VN	2016	2	
42	07M115	Máy chiếu lap the Samsung SVPS	Cai	TQ	2007	1	
42	07M112	Máy chiếu projector SonyVPLCX8	Cai	Nhat	2007	1	
42	16TT021	Máy chủ cài đặt phần mềm ứng dụng thư viện Lenovo X3650M4	Bộ	TQ	2016	1	
42	07M041	Máy chủ HP Server ML370G4	Bo	Anh	2007	1	
42	06DA138-141	Máy chủ IBM 236	Bo	TQ	2006	4	

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
42	07M088	Máy in Laser HP 2420N	Cai	DNA	2007	1	
42	16TT005	Máy in mã vạch Godex EZ 1100 Plus	Chiếc	TQ	2016	1	
42	16TT024-063	Máy tính để bàn HP ProDesk 400G2	Bộ	Singapore	2016	40	
42	12M093-094	Máy tính DNA G630	Bộ	DNA	2012	2	
42	15M101	Máy tính G2030 LCD19" HP	Cái	DNA	2015	1	
42	16M063	Máy tính G3250 LCD 19" HP	bộ	DNA	2016	1	
42	17M150-152	Máy tính G4400	Bộ	TQ	2017	3	
42	12M007	Máy tính Pentium E5700	Bộ	DNA	2012	1	
42	08M138	Máy tính xách tay HP H540	Cai	TQ	2008	1	
42	16TT069-070	Máy trạm quan sát HP ProDesk 400G2	Chiếc	Singapore	2016	2	
42	16TT065-068	Máy trạm tra cứu HP Pavilion 22-2027d	Bộ	TQ	2016	4	
42	11DA082	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	1	
42	06DA313	Modem Leaseline DTU2801	Cai	TQ	2006	1	
42	07M015	Modem Maistreet 2801 của mạng	Cai	Nhat	2007	1	
42	05DA338	P/kienHThong cap quang,daynhay	Bo	DNA	2005	1	
42	08M176-179	Phần mềm hệ điều hành cho máy chủ	Goi	Microsoft	2008	4	
42	09M055	Phần mềm Máy chủ ủy quyền ISA	Bo	TQ	2009	1	
42	09M056	Phần mềm quản lý thư điện tử	Bo	TQ	2009	1	
42	16TT001	Phần mềm quản lý thư viện điện tử tích hợp	Bộ	VN	2016	1	
42	05DA337	Phu kien HThong cap xoan,CAT5	Bo	DNA	2005	1	
42	16TT020	Quầy thủ thư NH-K06	Chiếc	VN	2016	1	
42	06DA145	Router Cisco 1841	Cai	TQ	2006	1	
42	06DA146	Switch 24 port10/100/1000mbps	Cai	Dloan	2006	1	
42	16M070	Switch 8 port PoE 16 cổng (JGS516PE)	Cái	DNA	2016	1	
42	07M118	Tbi đồng bộ hóa smartSE300L	Bo	Canada	2007	1	
42	16M007	Thiết bị chuyển mạch mạng nội bộ Netgear M5300-28GF3 Manged Switch	Bộ	DNA	2016	1	
42	16TT073	Thiết bị lưu trữ Asustor AS-304T	Chiếc	TQ	2016	1	
42	16TT023	Thiết bị mạng và bản quyền cho thiết bị Sophos	Chiếc	TQ	2016	1	
42	16TT003	Trạm lập trình Dialog ID-LCS Pro Hybrid with Conversion	Chiếc	Hà Lan	2016	1	
42	16TT004	Trạm lưu thông Dialog ID-LCS Pro Hybrid	Chiếc	Hà Lan	2016	1	

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
73	16M029	Bàn quây thủ thư	Bộ	VN	2016	1	
73	10M053	Dao xén sách thư viện	Cai	VN	2010	1	
73	95M052	Điều hòa 2 cục 1 chiều Nationa	Cai	Nhat	1995	1	
73	KT136	Điều hòa 2 cục 1 chiều National	Cai	Nhat	1997	1	
73	02M059	Điều hòa tủ LG-44000BTU	Bo	VN	2002	1	
73	16M042	Điều hòa tủ Sumikura 28.000BTU (p nghiệpvu)	Bộ	ĐNA	2016	1	
73	16M048-049	Điều hòa tủ Sumikura 50.000BTU	Bộ	ĐNA	2016	2	
73	16M040-041	Điều hòa tủ Sumikura 50.000BTU (p tracuutructuyen)	Bộ	ĐNA	2016	2	
73	02M187	Máy photocopy Toshiba PPC2030	Cai	Nhat	2002	1	
73	17M089	Máy tính G3260	bộ	ĐNA	2017	1	
73	10M057-058	Máy vi tính E5300	Bo	TQ	2010	2	
73	11M016	Máy vi tính E5500	Bo	TQ	2011	1	
73	05M147	Máy vi tính P4 15"	Bo	DNA	2005	1	
73	14M027	Phần mềm Proquest Central (thư viện) (tumua)	Bộ	ĐNA	2014	1	
82	16M256	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Chiếc	ĐNA	2016	1	
82	16M188	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2016	1	
II. Công cụ lao động nhỏ							
42	15C261-268	Ắc quy HL 12V (p máy chủ)	Cái	ĐNA	2015	8	
42	03DA182	Amply 1060	Cai	Nhat	2003	1	
42	07M104	Amply TOA 1121	Cai	Indonexi	2007	1	
42	07M122	Bàn giao vien	Cai	VN	2007	1	
42	11C195	Bàn hop 2,4m	Cai	VN	2011	1	
42	11C193	Bàn hop Chu L va hoc di dong	Bo	VN	2011	1	
42	09C264	Bàn hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
42	11C197	Bàn lam viec 1,4m	Cai	VN	2011	1	
42	16TT010-019	Bàn máy tính 190-BCO12-4	Chiếc	VN	2016	10	
42	07G142	Bàn vi tính	Cai	VN	2007	1	
42	08C840	Bàn vi tính	Cai	VN	2008	1	
42	07G145	Bang fooc	Cai	VN	2007	1	
42	07M121	Bang thep khong ri	Cai	VN	2007	1	
42	16TT074-075	Bộ chuyển mạch FS526T- 200EUS	Chiếc	TQ	2016	2	
42	10C841	Bo dung cu lam mang	Bo	TQ	2010	1	
42	07M101-102	Cac chuyen doi tivi Aver EZ	Cai	VN	2007	2	
42	07M103	Cac phu kien di kem	Bo	VN	2007	1	
42	07M090-091	Day mang Network Cable AMP	Cuon	TQ	2007	2	
42	12M020	Điều hòa LG 12000BTU	Cái	ĐNA	2012	1	
42	08C801-805	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
42	11C201-210	Ghe gap	Cai	VN	2011	10	
42	07M123	Ghe giao vien	Cai	VN	2007	1	

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	DVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
42	07G143-144	Ghe xoay	Cai	VN	2007	2	
42	11C324-333	Gia sach	Cai	VN	2011	10	
42	10C833-835	Kim bam day	Cai	VN	2010	3	
42	07M045	Loa speaker Microlab	Cai	TQ	2007	1	
42	07M108-111	Loa TOA BS 1030B	Cai	Indo	2007	4	
42	07M097	Luu dien UPS 1000VA-APC UI	Cai	An do	2007	1	
42	07M114	Man chieu projector superlight	Cai	TQ	2007	1	
42	11C226	May ep Plastic 242-1	Cai	VN	2011	1	
42	10C840	May han kho	Cai	VN	2010	1	
42	10C839	May hut bui cam tay Legi	Cai	VN	2010	1	
42	11C360	May hut bui Media	Cai	TQ	2011	2	
42	16M064	Máy in đa năng Canon MF221D	cái	ĐNA	2016	1	
42	16M176	Máy in đa năng Canon MF221D (A Hưng)	bộ	ĐNA	2016	1	
42	08C135	May in Laser Canon 1210	Cai	DNA	2008	1	
42	10C838	Maykiem tra day mang	Cai	TQ	2010	1	
42	07M107	Mic shure PG 48	Cai	Mexico	2007	1	
42	07M116	Modem ADSL planet ADE	Cai	Dai loan	2007	1	
42	10C842	Modem Draytek	Cai	TQ	2010	1	
42	07M092	O cam 6 chan	Cai	VN	2007	1	
42	10C836-837	O cung cam ngoai	Cai	TQ	2010	2	
42	16C287-389	Phần mềm diệt Virus Kaspersky	Bộ	VN	2016	103	
42	05DA270	Planet 16port	Bo	DNA	2005	1	
42	94M039	Quat cay MD	Cai	TQ	1994	1	
42	08M130-137	Ram IBM 2GB	Cap	TQ	2008	8	
42	07M044	Sound Card sound blaster live	Cai	TQ	2007	1	
42	07M089	Switch 24 cong EP826DG CS	Cai	TQ	2007	1	
42	16M069	Switch w/2GBPT 24 cổng (FS526T)	Cái	ĐNA	2016	1	
42	07M067-087	Tai nghe Headset micSM360	Cai	TQ	2007	20	
42	05DA272	TB mạng và thi công lắp đặt	Bo	VN	2005	1	
42	09M073	TBi chuyên mach,chuot,banfim..	Bo	TQ	2009	1	
42	15C233	Thang nhôm chữ A 2m	Cái	VN	2015	1	
42	15C234	Thang nhôm chữ A 3m	Cái	VN	2015	1	
42	06DA315-316	Tủ đựng thiết bị mạng	Cai	VN	2006	2	
42	11C211	Tu kinh	Cai	VN	2011	1	
42	05DA323	Tu mạng loại to 42U	Cai	DNA	2005	1	
42	05DA312-322	Tu mạng nhỏ 27U	Cai	DNA	2005	11	
42	16TT077	Tủ rack	Chiếc	VN	2016	1	
42	09C253-254	Tu sat 2 canh	Cai	VN	2009	2	
42	10C920	Tu sat 4 ngan	Cai	VN	2010	1	
42	08C817	Tu sat 8 canh	Cai	VN	2008	1	
42	08C842	Tu sat kinh	Cai	VN	2008	1	
42	07M043	Video CaptureCard ADV C110	Cai	TQ	2007	1	
42	07M117	Voic qua internet	Cai	Dai loan	2007	1	
42	11C361	Xe day hang 1 tang	Cai	VN	2011	1	

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	DVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
42	11C362	Xe day hang 2 tang	Cai	VN	2011	1	
73	16C140-146	Bàn đọc 1,215x2,44m (chân sắt,	Cái	VN	2016	7	
73	16C138-139	Bàn đọc 1,2x2,2m (chân sắt, mặ	Cái	VN	2016	2	
73	14C1382-1399	Bàn đọc 2,4m	Cái	VN	2014	18	
73	04G015	Ban lam viec	Cai	VN	2004	2	
73	08C693-694	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
73	17C153	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2017	1	
73	BDA73-014	Ban lam viec 1,4m	Cai	VN		1	
73	16C147	Bàn làm việc 1,4m	Cái	VN	2016	1	
73	17C154	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2017	1	
73	14C1400-1402	Bàn làm việc chữ L 2m	Cái	VN	2014	3	
73	02G020	Ban lam viec fooc	cai	VN	2002	2	
73	03G013	Ban lam viec fooc	cai	VN	2003	1	
73	01G028	Ban lam viec fooc trang	cai	VN	2001	1	
73	73G001-002	Ban may vi tinh	Cai	VN	2001	2	
73	BDA73-013	Ban TP 1,6m	Cai	VN		1	
73	04G008	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	2	
73	04G015	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	2	
73	07G056	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
73	05G012	Bang fooc trang	Cai	VN	2005	2	
73	01C040	Ca sieu toc	Cai	LD	2001	1	
73	02C015-016	Ca sieu toc Philips	cai	LD	2002	2	
73	5731	Dao xen sach	Cai	Duc	1967	1	
73	15C069	Điện thoại Panasonic	Cái	VN	2015	1	
73	01C055	Dong ho treo tuong	cai	VN	2001	1	
73	02C030-031	Dong ho treo tuong	cai	VN	2002	2	
73	94M014	Duong day dien thoai	Bo	Nhat	1994	1	
73	07G181-205	Ghe gap	Cai	VN	2007	24	
73	BDA73(002-012	Ghe gap	Cai	VN		10	
73	14C1141-1184	Ghế gấp	Cái	VN	2014	144	
73	16C148-217	Ghế gấp	Cái	VN	2016	70	
73	17C257-276	Ghế gấp	Cái	VN	2017	20	
73	02G020A	Ghe tua xoay	cai	VN	2002	1	
73	07G038-058A	Ghe van phong	Cai	VN	2007	20	
73	16C134-137	Ghế xoay	Cái	VN	2016	4	
73	17C156	Ghế xoay	Cái	VN	2017	1	
73	02G004	Gia sach sat	cai	VN	2002	11	
73	17M069-083	Giá sắt 5 tầng	Cái	VN	2017	15	
73	17M126-135	Giá sắt HP 5 tầng 2 khoang (CSVT)	Cái	VN	2017	10	
73	16C1122-1124	Kính bàn quầy thư viện	cái	VN	2016	3	
73	00M320	Lich thien van	Cuon		2000	1	
73	05M126	Lich thien van	Cuon	Nga	2005	1	
73	03M078	Lich thien van 2003	Cuon	VN	2003	1	
73	01M010A	Lich thien van nam 2001	Cuon	VN	2001	1	
73	02M033	Lich thien van nam 2002	cuon	Nga	2002	1	
73	04C151	May dien thoai ban LG	Cai	HQ	2004	1	
73	BDA73DT-001	May dien thoai Panasonic	Cai	Nhat		1	

Mã dv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
73	17M092	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	HQ	2017	1	
73	99M122	Máy in Laser 1100	Cai	DNA	1999	1	
73	09C031	Máy in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1	
73	11M021	Máy in Laser Canon 3300	Cai	TQ	2011	1	
73	06M025	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2006	1	
73	05M124	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2005	1	
73	06C058	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
73	05M133A	Máy quét scanner HP3770	Cai	DNA	2005	1	
73	04C022-023A	Máy tính casio	Cai	TQ	2004	2	
73	05C015-016	Máy tính tay Casio	Cai	TQ	2005	2	
73	08M142	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
73	16C096	Meka quay lõi đi	mét	VN	2016	5	
73	01M156	Ổ ghi CDWriter HP 9140i IDE	Cai	DNA	2001	1	
73	20M230	On áp Lioa	Cai	VN	2000	1	
73	96M205	Quạt cây MD	Cai	TQ	1996	1	
73	15C066-068	Quạt cây Vinawind	Cái	VN	2015	3	
73	17VT001	Quạt cây Vinawind	Cái	VN	2017	1	
73	13C175	Quạt cây vinawind (p.Bán sách)	Cái	VN	2013	1	
73	99C022	The vi tính	Bo	VN		1	
73	94G007	Tủ dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
73	99G011	Tủ mục lục	Cai	VN	1999	2	
73	17C155	Tủ sắt 4 cánh	Cái	VN	2017	1	
73	04G037	Tủ sắt	Cai	VN	2004	1	
73	17M084	Tủ sắt 12 cánh	Cái	VN	2017	1	
73	BDA73-001	Tủ sắt 18 cánh	Cai	VN		1	
73	17M136	Tủ sắt 18 ngăn (CSV T)	Cái	VN	2017	1	
73	14C1185-1190	Tủ sắt 18 ô	Cái	VN	2014	6	
73	08C691	Tủ sắt 2 cánh	Cai	VN	2008	1	
73	14C695	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2014	1	
73	08C814	Tủ sắt 8 cánh	Cai	VN	2008	1	
73	03G046	Tủ sắt cao 2m	cai	VN	2003	1	
73	01G015	Tủ sắt đựng tài liệu	Cai	VN	2001	1	
73	04C025	Xe đẩy sách vào thư viện	Cai	VN	2004	1	
82	02G046	Bàn làm việc fooc	Cai	VN	2002	1	
82	01G030	Bàn làm việc fooc trang	cai	VN	2001	1	
82	16C482	Bàn làm việc yếm sắt	Cái	VN	2016	1	
82	16C483	Bàn vi tính chân sắt mặt gỗ	Cái	VN	2016	1	
82	03G007B	Ghế gấp Xuân Hoa	Cai	VN	2003	2	
82	16C480-481	Ghế xoay	Cái	VN	2016	2	
82	02G003	Giá sách sắt	cai	VN	2002	12	
82	02G010	Giá sách sắt	cai	VN	2002	10	
82	16C484-499	Giá thư viện 2 khoang 2 mặt 5 tầng	Cái	VN	2016	15	
82	02M032	Ket bạc K-36	cai	VN	2002	1	
82	04C193	Máy hút bụi	Cai	Y	2004	1	
82	16M187	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	DNA	2016	1	
82	00M198-201	Quạt treo tường Santaz	Cai	VN	2000	4	

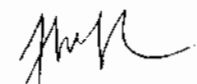
Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	DVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
82	16M104	Tủ khung nhôm kính trắng 5 ly KT 1500x400x1300	Cái	VN	2016	1	
82	16M103	Tủ khung nhôm kính trắng 5 ly KT 2000x400x1300	Cái	VN	2016	1	
82	02G003	Tủ nhôm kính	cái	VN	2002	1	
82	02G004	Tủ quay hàng	cái	VN	2002	1	

Hà Nội, ngày 05 tháng 1 năm 2018

Đơn vị sử dụng

Phòng Quản trị - Thiết bị


Nguyễn Thị Hải Sơn


Trần Thị Phương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ TẠI THƯ VIỆN

Hôm nay, ngày 31/12/2018 Trung tâm Thông tin - Thư viện tiến hành kiểm kê Tài sản có tại Thư viện.

A. Thời gian, địa điểm và thành phần tham gia kiểm kê:

- Thời gian: 26/12/2018 - 31/12/2018

- Địa điểm: Trung tâm Thông tin – Thư viện Nhà C5 Trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18, phố Viên, phường Bắc Từ Liêm - Hà Nội.

- Ban kiểm kê gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Hải Yến - PGĐ Trung tâm Thông tin - Thư viện.

2. Bà Trần Thị Hương – Cán bộ phòng Quản trị thiết bị.

- Nội dung: Kiểm kê toàn bộ Tài sản của Thư viện gồm các Tài sản cố định (máy tính, máy in, điều hòa, phần mềm...) và các công cụ lao động nhỏ (bàn, ghế, tủ...).

B. Tiến hành kiểm kê:

- Tổ trưởng chỉ đạo quy trình, cách thức tiến hành và phân công công việc cụ thể cho từng thành viên tham gia kiểm kê.

- Các thành viên trong ban kiểm kê tiến hành kiểm kê.

- Kết quả kiểm kê có danh mục kèm theo.

Biên bản kiểm kê này gồm 02 bản có giá trị ngang nhau, Phòng Quản trị thiết bị giữ 01 bản, Trung tâm Thông tin – Thư viện giữ 01 bản.



DANH MỤC TÀI SẢN
Đơn vị sử dụng:TTTT-TV

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
I. Tài sản cố định							
42	09M057-068	Bộ chuyển mạch LanCiscoCatalyst	Bo	TQ	2009	12	
42	16TT076	Bộ chuyển mạch POE Engenius Poe EGS7228FP	Chiếc	TQ	2016	1	
42	08M103-104	Bo chuyenmachCiscocatalist,Cap	Cai	TQ	2008	2	
42	07M098	Bộ giải mã Sony PCS-G50P	Bo	Nhat	2007	1	
42	10M216	Bo lưu điện	Cai	TQ	2010	1	
42	16TT022	Bộ lưu điện 10KVA Online ZLPOWER-RM10K-C	Bộ	TQ	2016	1	
42	06DA317	Bộ lưu điện UPS satak 3KVA	cai	VN	2006	1	
42	06DA312	Bức tường lửa Firewall pix506E	Bo	TQ	2006	1	
42	07M099-100	Camera Sony EVI D70P	Cai	Nhat	2007	2	
42	16TT002	Cổng an ninh công nghệ Hybrid Dialoc ID Diamond HYBRID Premium, gồm cổng an ninh tích hợp bộ điều khiển công an ninh, bộ đếm người ra vào	Bộ	Hà Lan	2016	1	
42	08M002A	Điều hòa 2 cục Mitshubishi	Bo	Thailan	2008	1	
42	13M068-069	Điều hoà Funiki 24000BTU	Bộ	ĐNA	2013	2	
42	16TT006-009	Giá trưng bày báo/ tạp chí	Chiếc	VN	2016	4	
42	09M075	He thong cap mang	HT	TQ	2009	1	
42	16TT064	Hệ thống wifi Engenius EWS 320AP	Hệ thôn	TQ	2016	1	
42	09M076	Hthongchuyendoiquangdiennh a12T	HT	TQ	2009	1	
42	08M345	Lưu điện UPS online Santak3KVA	Cai	TQ	2008	1	
42	16T071-072	Màn hình quan sát Tivi LG 49" LED HD	Chiếc	VN	2016	2	
42	07M115	Máy chiếu lap the Samsung SVPS	Cai	TQ	2007	1	
42	07M112	Máy chiếu projector SonyVPLCX8	Cai	Nhat	2007	1	
42	16TT021	Máy chủ cài đặt phần mềm ứng dụng thư viện Lenovo X3650M4	Bộ	TQ	2016	1	
42	07M041	Máy chủ HP Server ML370G4	Bo	Anh	2007	1	
42	06DA138-141	Máy chủ IBM 236	Bo	TQ	2006	4	

Mã dv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
42	07M088	Máy in Laser HP 2420N	Cai	DNA	2007	1	
42	16TT005	Máy in mã vạch Godex EZ 1100 Plus	Chiếc	TQ	2016	1	
42	16TT024-063	Máy tính để bàn HP ProDesk 400G2	Bộ	Singapore	2016	40	
42	12M093-094	Máy tính ĐNA G630	Bộ	ĐNA	2012	2	
42	15M101	Máy tính G2030 LCD19" HP	Cái	ĐNA	2015	1	
42	16M063	Máy tính G3250 LCD 19" HP	bộ	ĐNA	2016	1	
42	17M150-152	Máy tính G4400	Bộ	TQ	2017	3	
42	12M007	Máy tính Pentium E5700	Bộ	ĐNA	2012	1	
42	08M138	Máy tính xách tay HP H540	Cai	TQ	2008	1	
42	16TT069-070	Máy trạm quan sát HP ProDesk 400G2	Chiếc	Singapore	2016	2	
42	16TT065-068	Máy trạm tra cứu HP Pavilion 22-2027d	Bộ	TQ	2016	4	
42	11DA082	Máy vi tính LCD	Bo	VN	2011	1	
42	06DA313	Modem Leaseline DTU2801	Cai	TQ	2006	1	
42	07M015	Modem Maistreet 2801 của mang	Cai	Nhat	2007	1	
42	05DA338	P/kienHThong cap quang,daynhay	Bo	DNA	2005	1	
42	08M176-179	Phần mềm hệ điều hành cho máy chủ	Goi	Microsof	2008	4	
42	09M055	Phần mềm Máy chủ ủy quyền ISA	Bo	TQ	2009	1	
42	09M056	Phần mềm quản lý thư điện tử	Bo	TQ	2009	1	
42	16TT001	Phần mềm quản lý thư viện điện tử tích hợp	Bộ	VN	2016	1	
42	05DA337	Phu kien HThong cap xoan,CAT5	Bo	DNA	2005	1	
42	16TT020	Quầy thủ thư NH-K06	Chiếc	VN	2016	1	
42	06DA145	Router Cisco 1841	Cai	TQ	2006	1	
42	06DA146	Switch 24 port10/100/1000mbps	Cai	Dloan	2006	1	
42	16M070	Switch 8 port PoE 16 cổng (JGS516PE)	Cái	ĐNA	2016	1	
42	07M118	Tbi đồng bộ hóa smartSE300L	Bo	Canada	2007	1	
42	16M007	Thiết bị chuyển mạch mạng nội bộ Netgear M5300-28GF3 Manged Switch	Bộ	ĐNA	2016	1	
42	16TT073	Thiết bị lưu trữ Asustor AS- 304T	Chiếc	TQ	2016	1	
42	16TT023	Thiết bị mạng và bản quyền cho thiết bị Sophos	Chiếc	TQ	2016	1	

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
42	18M035	Thiết bị tường lửa Sophos XG 430HW Appliance with 8GE Flexi Port module, 2 expansion bays for optional Flexi Port modules, SD+ Base Lincese (incl, FW, VPN & Wireless) for unlimited users + power cable	Chiếc		2018	1	
42	16TT003	Trạm lập trình Dialog ID-LCS Pro Hybrid with Conversion	Chiếc	Hà Lan	2016	1	
42	16TT004	Trạm lưu thông Dialog ID-LCS Pro Hybrid	Chiếc	Hà Lan	2016	1	
73	16M029	Bàn quay thủ thư	Bộ	VN	2016	1	
73	10M053	Dao xén sách thư viện	Cai	VN	2010	1	
73	95M052	Điều hòa 2 cục 1 chiều Nationa	Cai	Nhat	1995	1	
73	KT136	Điều hòa 2 cục 1 chiều National	Cai	Nhat	1997	1	
73	18M008	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	chiếc	ĐNA	2018	1	
73	02M059	Điều hòa tủ LG-44000BTU	Bo	VN	2002	1	
73	16M042	Điều hòa tủ Sumikura 28.000BTU (p nghiệpvu)	Bộ	ĐNA	2016	1	
73	16M048-049	Điều hòa tủ Sumikura 50.000BTU	Bộ	ĐNA	2016	2	
73	16M040-041	Điều hòa tủ Sumikura 50.000BTU (p tracuutructuyen)	Bộ	ĐNA	2016	2	
73	02M187	Máy photocopy Toshiba PPC2030	Cai	Nhat	2002	1	
73	17M089	Máy tính G3260	bộ	ĐNA	2017	1	
73	10M057-058	Máy vi tính E5300	Bo	TQ	2010	2	
73	11M016	Máy vi tính E5500	Bo	TQ	2011	1	
73	05M147	Máy vi tính P4 15"	Bo	DNA	2005	1	
73	14M027	Phần mềm Proquest Central (thư viện) (tumua)	Bộ	ĐNA	2014	1	
82	16M256	Điều hòa Sumikura 24.000BTU	Chiếc	ĐNA	2016	1	
82	16M188	Máy tính G3250 LCD 19" HP	Bộ	ĐNA	2016	1	
II. Công cụ lao động nhỏ							
42	15C261-268	Ắc quy HL 12V (p máy chủ)	Cái	ĐNA	2015	8	
42	03DA182	Amplý 1060	Cai	Nhat	2003	1	
42	07M104	Amplý TOA 1121	Cai	Indonexi	2007	1	
42	07M122	Ban giao vien	Cai	VN	2007	1	
42	11C195	Ban hop 2,4m	Cai	VN	2011	1	
42	11C193	Ban hop Chu L va hoc di dong	Bo	VN	2011	1	
42	09C264	Ban hop to 2,4m	Cai	VN	2009	1	
42	11C197	Ban lam viec 1,4m	Cai	VN	2011	1	
42	16TT010-019	Bàn máy tính 190-BC012-4	Chiếc	VN	2016	10	

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
42	07G142	Ban vi tính	Cai	VN	2007	1	
42	08C840	Ban vi tính	Cai	VN	2008	1	
42	07G145	Bang fooc	Cai	VN	2007	1	
42	07M121	Bang thép không rỉ	Cai	VN	2007	1	
42	16TT074-075	Bộ chuyển mạch FS526T-200EUS	Chiếc	TQ	2016	2	
42	10C841	Bo dung cu lam mang	Bo	TQ	2010	1	
42	07M101-102	Cac chuyen doi tivi Aver EZ	Cai	VN	2007	2	
42	07M103	Cac phu kien di kem	Bo	VN	2007	1	
42	07M090-091	Day mang Network Cable AMP	Cuon	TQ	2007	2	
42	12M020	Điều hòa LG 12000BTU	Cái	ĐNA	2012	1	
42	08C801-805	Ghe gap	Cai	VN	2008	5	
42	11C201-210	Ghe gap	Cai	VN	2011	10	
42	07M123	Ghe giao vien	Cai	VN	2007	1	
42	07G143-144	Ghe xoay	Cai	VN	2007	2	
42	11C324-333	Gia sach	Cai	VN	2011	10	
42	10C833-835	Kim bam day	Cai	VN	2010	3	
42	07M045	Loa speaker Microlab	Cai	TQ	2007	1	
42	07M108-111	Loa TOA BS 1030B	Cai	Indo	2007	4	
42	07M097	Luu dien UPS 1000VA-APC UT	Cai	An do	2007	1	
42	07M114	Man chieu projector superlight	Cai	TQ	2007	1	
42	11C226	May ep Plastic 242-1	Cai	VN	2011	1	
42	10C840	May han kho	Cai	VN	2010	1	
42	10C839	May hut bui cam tay Legi	Cai	VN	2010	1	
42	11C360	May hut bui Media	Cai	TQ	2011	2	
42	16M064	Máy in đa năng Canon MF221D	cái	ĐNA	2016	1	
42	16M176	Máy in đa năng Canon MF221D (A Hưng)	bộ	ĐNA	2016	1	
42	08C135	May in Laser Canon 1210	Cai	DNA	2008	1	
42	10C838	Maykiem tra day mang	Cai	TQ	2010	1	
42	07M107	Mic shure PG 48	Cai	Mexico	2007	1	
42	07M116	Modem ADSL planet ADE	Cai	Dai loan	2007	1	
42	10C842	Modem Draytek	Cai	TQ	2010	1	
42	07M092	O cam 6 chan	Cai	VN	2007	1	
42	10C836-837	O cung cam ngoai	Cai	TQ	2010	2	
42	16C287-389	Phần mềm diệt Virus Kaspersky	Bộ	VN	2016	103	
42	05DA270	Planet 16port	Bo	DNA	2005	1	
42	94M039	Quat cay MD	Cai	TQ	1994	1	
42	08M130-137	Ram IBM 2GB	Cap	TQ	2008	8	
42	07M044	Sound Card sound blaster live	Cai	TQ	2007	1	
42	07M089	Switch 24 cong EP826DG CS	Cai	TQ	2007	1	
42	16M069	Switch w/2GBPT 24 công (FS526T)	Cái	ĐNA	2016	1	
42	07M067-087	Tai nghe Headset micSM360	Cai	TQ	2007	20	
42	05DA272	TB mang va thi cong lap dat	Bo	VN	2005	1	
42	09M073	TBi chuyen mach,chuot,banfim..	Bo	TQ	2009	1	
42	15C233	Thang nhôm chữ A 2m	Cái	VN	2015	1	

Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
42	15C234	Thang nhôm chữ A 3m	Cái	VN	2015	1	
42	06DA315-316	Tủ đựng thiết bị mạng	Cai	VN	2006	2	
42	11C211	Tu kính	Cai	VN	2011	1	
42	05DA323	Tu mạng loại to 42U	Cai	DNA	2005	1	
42	05DA312-322	Tu mạng nhỏ 27U	Cai	DNA	2005	11	
42	16TT077	Tủ rack	Chiếc	VN	2016	1	
42	09C253-254	Tu sat 2 cánh	Cai	VN	2009	2	
42	10C920	Tu sat 4 ngan	Cai	VN	2010	1	
42	08C817	Tu sat 8 cánh	Cai	VN	2008	1	
42	08C842	Tu sat kính	Cai	VN	2008	1	
42	07M043	Video CaptureCard ADV110	Cai	TQ	2007	1	
42	07M117	Voic qua internet	Cai	Dai loan	2007	1	
42	11C361	Xe day hang 1 tang	Cai	VN	2011	1	
42	11C362	Xe day hang 2 tang	Cai	VN	2011	1	
73	16C140-146	Bàn đọc 1,215x2,44m (chân sắt,	Cái	VN	2016	7	
73	16C138-139	Bàn đọc 1,2x2,2m (chân sắt, mặ	Cái	VN	2016	2	
73	14C1382-1399	Bàn đọc 2,4m	Cái	VN	2014	18	
73	04G015	Ban lam viec	Cai	VN	2004	2	
73	08C693-694	Ban lam viec	Cai	VN	2008	2	
73	17C153	Bàn làm việc 1,2m	Cái	VN	2017	1	
73	BDA73-014	Ban lam viec 1,4m	Cai	VN		1	
73	16C147	Bàn làm việc 1,4m	Cái	VN	2016	1	
73	17C154	Bàn làm việc 1,6m	Cái	VN	2017	1	
73	14C1400-1402	Bàn làm việc chữ L 2m	Cái	VN	2014	3	
73	02G020	Ban lam viec fooc	cai	VN	2002	2	
73	03G013	Ban lam viec fooc	cai	VN	2003	1	
73	01G028	Ban lam viec fooc trang	cai	VN	2001	1	
73	73G001-002	Ban may vi tinh	Cai	VN	2001	2	
73	BDA73-013	Ban TP 1,6m	Cai	VN		1	
73	04G008	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	2	
73	04G015	Ban vi tinh	Cai	VN	2004	2	
73	07G056	Ban vi tinh	Cai	VN	2007	1	
73	05G012	Bang fooc trang	Cai	VN	2005	2	
73	01C040	Ca sieu toc	Cai	LD	2001	1	
73	02C015-016	Ca sieu toc Philips	cai	LD	2002	2	
73	5731	Dao xen sach	Cai	Duc	1967	1	
73	15C069	Điện thoại Panasonic	Cái	VN	2015	1	
73	01C055	Dong ho treo tuong	cai	VN	2001	1	
73	02C030-031	Dong ho treo tuong	cai	VN	2002	2	
73	94M014	Duong day dien thoai	Bo	Nhat	1994	1	
73	07G181-205	Ghe gap	Cai	VN	2007	24	
73	BDA73(002-012	Ghe gap	Cai	VN		10	
73	14C1141-1184	Ghế gấp	Cái	VN	2014	144	
73	16C148-217	Ghế gấp	Cái	VN	2016	70	
73	17C257-276	Ghế gấp	Cái	VN	2017	20	
73	02G020A	Ghe tua xoay	cai	VN	2002	1	
73	07G038-058A	Ghe van phong	Cai	VN	2007	20	
73	16C134-137	Ghế xoay	Cái	VN	2016	4	

Mã dv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
73	17C156	Ghế xoay	Cái	VN	2017	1	
73	02G004	Giá sách sắt	cai	VN	2002	11	
73	17M069-083	Giá sắt 5 tầng	Cái	VN	2017	15	
73	17M126-135	Giá sắt HP 5 tầng 2 khoang (CSV T)	Cái	VN	2017	10	
73	16C1122-1124	Kính bàn quây thư viện	cái	VN	2016	3	
73	00M320	Lịch thiên văn	Cuon		2000	1	
73	05M126	Lịch thiên văn	Cuon	Nga	2005	1	
73	03M078	Lịch thiên văn 2003	Cuon	VN	2003	1	
73	01M010A	Lịch thiên văn nam 2001	Cuon	VN	2001	1	
73	02M033	Lịch thiên văn nam 2002	cuon	Nga	2002	1	
73	04C151	Máy điện thoại bàn LG	Cai	HQ	2004	1	
73	BDA73DT-001	Máy điện thoại Panasonic	Cai	Nhat		1	
73	17M092	Máy in đa năng Canon MF241D	Chiếc	HQ	2017	1	
73	99M122	Máy in Laser 1100	Cai	DNA	1999	1	
73	09C031	Máy in Laser Canon 1210	Cai	TQ	2009	1	
73	11M021	Máy in Laser Canon3300	Cai	TQ	2011	1	
73	06M025	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2006	1	
73	05M124	Máy in Laser HP1160	Cai	DNA	2005	1	
73	06C058	Máy quét scan Geniusvivid1200	Cai	DNA	2006	1	
73	05M133A	Máy quét scanner HP3770	Cai	DNA	2005	1	
73	04C022-023A	Máy tính casio	Cai	TQ	2004	2	
73	05C015-016	Máy tính tay Casio	Cai	TQ	2005	2	
73	08M142	Máy vi tính 17"	Bo	DNA	2008	1	
73	16C096	Meka quây lõi đi	mét	VN	2016	5	
73	01M156	Ổ ghi CDWriter HP 9140i IDE	Cai	DNA	2001	1	
73	20M230	On ap Lioa	Cai	VN	2000	1	
73	96M205	Quạt cây MD	Cai	TQ	1996	1	
73	15C066-068	Quạt cây Vinawind	Cái	VN	2015	3	
73	17VT001	Quạt cây Vinawind	Cái	VN	2017	1	
73	13C175	Quạt cây vinawind (p.Bán sách)	Cái	VN	2013	1	
73	99C022	The vi tính	Bo	VN		1	
73	94G007	Tủ dung cao 2m	Cai	VN	1994	1	
73	99G011	Tủ mục lục	Cai	VN	1999	2	
73	17C155	Tủ sắt 4 cánh	Cái	VN	2017	1	
73	04G037	Tủ sắt	Cai	VN	2004	1	
73	17M084	Tủ sắt 12 cánh	Cái	VN	2017	1	
73	BDA73-001	Tủ sắt 18 cánh	Cai	VN		1	
73	17M136	Tủ sắt 18 ngăn (CSV T)	Cái	VN	2017	1	
73	14C1185-1190	Tủ sắt 18 ô	Cái	VN	2014	6	
73	08C691	Tủ sắt 2 cánh	Cai	VN	2008	1	
73	14C695	Tủ sắt 2 cánh	Cái	VN	2014	1	
73	08C814	Tủ sắt 8 cánh	Cai	VN	2008	1	
73	03G046	Tủ sắt cao 2met	cai	VN	2003	1	
73	01G015	Tủ sắt dung tại lieu	Cai	VN	2001	1	
73	04C025	Xe đẩy sách vô thư viện	Cai	VN	2004	1	
82	02G046	Bàn làm việc fooc	Cai	VN	2002	1	
82	01G030	Bàn làm việc fooc trắng	cai	VN	2001	1	

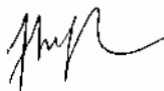
Mã đv	Mã thẻ	Tên tài sản	ĐVT	Nước sx	Năm sd	Số lượng	Ghi chú
82	16C482	Bàn làm việc yếm sắt	Cái	VN	2016	1	
82	16C483	Bàn vi tính chân sắt mặt gỗ	Cái	VN	2016	1	
82	03G007B	Ghe gáp Xuan Hoa	Cai	VN	2003	2	
82	16C480-481	Ghế xoay	Cái	VN	2016	2	
82	02G003	Gia sạch sat	cai	VN	2002	12	
82	02G010	Gia sạch sat	cai	VN	2002	10	
82	16C484-499	Giá thư viện 2 khoang 2 mặt 5 t	Cái	VN	2016	15	
82	02M032	Ket bac K-36	cai	VN	2002	1	
82	04C193	May hut bụi	Cai	Y	2004	1	
82	16M187	Máy in đa năng Canon MF221D	Chiếc	ĐNA	2016	1	
82	00M198-201	Quạt treo tuong Santaz	Cai	VN	2000	4	
82	16M104	Tủ khung nhôm kính trắng 5 ly KT 1500x400x1300	Cái	VN	2016	1	
82	16M103	Tủ khung nhôm kính trắng 5 ly KT 2000x400x1300	Cái	VN	2016	1	
82	02G003	Tu nhôm kính	cai	VN	2002	1	
82	02G004	Tu quay hang	cai	VN	2002	1	

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Đơn vị sử dụng

Phòng Quản trị - Thiết bị


Nguyễn Thị Hải Yến


Trần Thị Phương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN THỐNG KÊ TÀI LIỆU HIỆN CÓ CỦA TRUNG TÂM THÔNG TIN
THƯ VIỆN TẠI CƠ SỞ VŨNG TÀU**

Hôm nay, ngày 26/12/2018 Trung tâm Thông tin – Thư viện tiến hành thống kê tài liệu hiện có của Trung tâm Thông tin – Thư viện tại cơ sở Vũng Tàu.

A. Thời gian, địa điểm và thành phần tham gia thống kê:

- Thời gian: 24/12/2018 – 26/12/2018
- Địa điểm: Trung tâm Thông tin – Thư viện Nhà C5 Trường Đại học Mở - Địa chất, số 18, phố Viên, phường Bắc Từ Liêm - Hà Nội.
- Ban thống kê gồm:
 1. Bà Nguyễn Thị Hải Yến – PGĐ Trung tâm Thông tin – Thư viện – Tổ trưởng;
 2. Bà Ngô Thị Thanh Hương - Cán bộ Thư viện - Ủy viên;
 3. Bà Hoàng Thị Nga - Cán bộ Thư viện - Ủy viên;
- Nội dung: Thống kê tài liệu hiện có của Trung tâm Thông tin – Thư viện tại cơ sở Vũng Tàu.

B. Tiến hành thống kê:

- Tổ trưởng chỉ đạo quy trình, cách thức tiến hành và phân công công việc cụ thể cho từng thành viên tham gia thống kê tài liệu hiện có của Trung tâm Thông tin – Thư viện tại cơ sở Vũng Tàu.
- Các thành viên trong ban thống kê tiến hành thống kê.
- Kết quả thống kê có bảng biểu kèm theo như sau:

STT	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ	NĂM XB	S.LƯỢNG	CHUYÊN NGÀNH
1	Bg kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong	2008	8	Kinh tế
2	Bg marketing	Ngô Thế Bính	2000	10	Kinh tế
3	Bg phân tích hoạt động sx kinh doanh	Nguyễn Đức Thành		10	Kinh tế
4	Định mức lao động	Ngô Thế Bính	2000	10	Kinh tế
5	GT hoạch định chiến lược kinh doanh và kế hoạch hoá DNCN MỎ	Phạm Đình Tân	2003	10	Kinh tế
6	GT kỹ thuật soạn thảo văn bản KT và QTDN	Lương Văn Úc	2012	9	Kinh tế
7	GT quản trị nhân lực	Phan Thị Thái	2013	5	Kinh tế
8	Kinh tế dầu khí	Đỗ Hữu Tùng	2001	10	Kinh tế
9	Kinh tế đối ngoại	Nhâm Văn Toán	2001	10	Kinh tế
10	Kinh tế học vi mô		2011	10	Kinh tế
11	Kinh tế học vĩ mô		2011	10	Kinh tế
12	Kinh tế môi trường	Nguyễn Thị Kim Ngân	2010	10	Kinh tế
13	Kinh tế QTDNCN	Nhâm Văn Toán	2000	5	Kinh tế
14	Luật kinh tế	Minh Ngọc	2013	5	Kinh tế
15	Lý thuyết kiểm toán		2009	10	Kinh tế
16	Quản trị dự án đầu tư	Phan Thị Thái	2008	10	Kinh tế
17	Toán kinh tế	Nhâm Văn Toán	2003	17	Kinh tế
18	Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp	Nguyễn Phương Liên		2	Kinh tế

	Chương trình kế toán quản trị nghiệp vụ chuyên mục kế toán VN	Nguyễn Văn Bảo		2	Kinh tế
20	Kế toán quản trị	Nguyễn Tất Bình		1	Kinh tế
21	Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh (lý thuyết và thực hành)	Nguyễn Phúc Giang		2	Kinh tế
22	Kế toán tài chính	Võ Văn Nhị		2	Kinh tế
23	Kinh tế chính trị học hiện đại	Trình Âu Phú		2	Kinh tế
24	Thương mại điện tử	Nguyễn Thị Tuyết Mai		6	Kinh tế
25	Tính toán dự án đầu tư - kinh tế - kỹ thuật	Đặng Minh Trang		1	Kinh tế
26	GT nguyên lý kế toán	Bùi Thị Thu Thủy		5	Kinh tế
27	Tổ chức sản xuất và tổ chức lao động	Nguyễn Đức Thành		10	Kinh tế
28	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	2011	10	Kinh tế
29	Guide to self-employment : Taxes, strategies, and money-saving tips for schedule c filers	Weltman, Barbara	2014	1	Kinh tế
30	The medici effect	Johansson, Frans	2006	1	Kinh tế
31	Little book of leadership	Gitomer, Jeffrey	2011	1	Kinh tế
	TỔNG			205	

ỦY VIÊN



Hoàng Thị Nga

ỦY VIÊN



Ngô Thị Thanh Hương

PGĐ. TT TT - TV



Nguyễn Thị Hải Yến